TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1664**/2025/DS-ST
Ngày: 25/9/2025
V/v tranh chấp: Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Liên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Diệu Huệ

2. Ông Lê Văn Khanh

***Thư ký phiên tòa*:** bà Nguyễn Mai Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1294/2024/TLST- DS ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 381/2025/QĐXXST-DS ngày 04/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 278/2025/QĐST-DS ngày 27/8/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Trần T H, sinh năm 1963; CCCD số 079063028xxx; Địa chỉ: 73x H P, phường C H, Thành phố M (địa chỉ cũ: 73x H P, phường X, quận Y, Thành phố M); Người đại diện theo ủy quyền: ông Phan Phụng Đ T, sinh năm 1996; CCCD số 066096016xxx; Địa chỉ: 5x cư xá B Đ, ấp H L, xã B Đ, Thành phố M (Hợp đồng ủy quyền số công chứng 1969, quyển số 01/2024TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 16/8/2024 tại Văn phòng công chứng L T D; Địa chỉ: 46 Đường X, khu phố Y, thị trấn Đ T, huyện Đ H, tỉnh L A (nay là xã Đ T, tỉnh T N))- có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: ông Trần H H, sinh năm: 1986; CCCD số 086086000xxx; Địa chỉ thường trú: 9X Quốc lộ Y, phường A L, Thành phố M(địa chỉ cũ: 9X Quốc lộ Y, phường A L, quận B T, Thành phố M)

Địa chỉ cư trú: 1x Đường Y, phường A L, Thành phố M. (địa chỉ cũ: 1x Đường Y, phường B, quận B T, Thành phố M) (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị K T, sinh năm 1965; CCCD số 079165008xxx; Địa chỉ: 4x Đ G, phường T S N, Thành phố M(có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Từ tháng 12/2014 đến tháng 02/2024, ông Trần T H (nguyên đơn) đã cho ông Trần H H (bị đơn) vay 3.021.560.000 đồng và 23.300 USD, cụ thể như sau:

- Ngày 24/12/2014, số tiền vay: 200.000.000 đồng, thời hạn vay: 03 tháng.

- Ngày 16/5/2015, số tiền vay: 370.000.000 đồng, thời hạn vay: 20 ngày.

- Ngày 20/8/2015, số tiền vay: 500.000.000 đồng, thời hạn vay: 04 tháng.

- Ngày 18/4/2016, số tiền vay: 350.000.000 đồng, thời hạn vay: 03 ngày.

- Ngày 22/8/2016, số tiền vay: 300.000.000 đồng, thời hạn vay: 10 ngày.

- Ngày 07/01/2018, số tiền vay: 100.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 ngày.

- Ngày 08/12/2022, số tiền vay: 10.000 USD, thời hạn vay: 03 tháng.

- Ngày 03/02/2024, số tiền vay: 1.201.560.000 đồng và 13.300 USD, thời hạn vay: 26 ngày.

Các lần vay tiền hai bên có thoả thuận bằng lời nói lãi suất là 5%, ông Huy tự viết Giấy xác nhận vay tiền và ký tên nhưng trong các giấy vay tiền ông Huy chỉ ghi về số tiền vay, thời hạn vay chứ không ghi về lãi; sau khi ông Huy viết xong giấy vay tiền thì ông Hải giao tiền mặt cho ông Huy.

Từ khi vay tiền đến nay, ông Huy không thanh toán bất kỳ khoản gốc, lãi nào cho ông Hải.

Ngày 20/8/2024, ông Hải gửi văn bản thông báo đến hạn trả nợ tất cả các khoản nợ nói trên và yêu cầu ông Huy thanh toán nhưng ông Huy cố tình lảng tránh, không thực hiện việc trả nợ cho ông Hải.

Nay ông Trần T H yêu cầu ông Trần H H thanh toán các khoản sau đây:

I. Số tiền 23.300 USD tính theo tỷ giá quy đổi ngày 25/9/2025 (01 đô la Mỹ = 25.191 Việt Nam đồng): 23.300 x 25.191 = 586.950.000 (đồng), không yêu cầu tính lãi.

II. Nợ gốc: 3.021.560.000 đồng (1).

III. Tiền lãi chậm trả của khoản nợ gốc 3.021.560.000 đồng với lãi suất 0,83% tháng từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày xét xử sơ thẩm (25/9/2025), như sau:

1. Khoản vay 200.000.000 đồng ngày 24/12/2014, thời hạn vay: 3 tháng, ngày đến hạn trả nợ: 24/03/2015, lãi chậm trả tính từ ngày 25/03/2015 đến 25/09/2025 là 10 năm 06 tháng (126 tháng): 200.000.000*126*0,83% = 209.160.000 (đồng) (2).

2. Khoản vay 370.000.000 đồng ngày 16/5/2015, thời hạn vay: 20 ngày, ngày đến hạn trả nợ: 06/6/2015, lãi chậm trả tính từ ngày 07/6/2015 đến 25/9/2025 là 10 năm 03 tháng 18 ngày: 370.000.000*{123+(18/30)}*0.83% = 379.575.600 (đồng) (3).

3. Khoản vay 500.000.000 đồng ngày 20/8/2015, thời hạn vay: 4 tháng, ngày đến hạn trả nợ: 20/12/2015, lãi chậm trả tính từ ngày 21/12/2015 đến 25/9/2025 là 09 năm 09 tháng 04 ngày: 500.000.000*{117 + (4/30)}*0.83% = 486.103.333 (đồng) (4).

4. Khoản vay 350.000.000 đồng ngày 18/4/2016, thời hạn vay: 03 ngày, ngày đến hạn trả nợ: 21/4/2016, lãi chậm trả tính từ ngày 22/4/2016 đến 25/9/2025 là 09 năm 05 tháng 03 ngày: 350.000.000*{113+(3:30)}*0.83% = 328.555.500 đồng (5).

5. Khoản vay 300.000.000 đồng ngày 22/8/2016, thời hạn vay: 10 ngày, ngày đến hạn trả nợ: 02/9/2016, lãi chậm trả tính từ ngày 03/9/2016 đến 25/9/2025 là 09 năm 22 ngày: 300.000.000*{108+(22:30)}*0.83% = 270.746.000 đồng (6).

6. Khoản vay 100.000.000 đồng ngày 07/01/2018, thời hạn vay là 06 ngày, ngày đến hạn trả nợ: 13/01/2018), lãi chậm trả tính từ ngày 14/01/2018 đến 25/9/2025 là 07 năm 08 tháng 11 ngày: 100.000.000*{92+(11:30)}*0.83% = 16.664.333 đồng (7).

7. Khoản vay 1.201.560.000 đồng ngày 03/02/2024, thời hạn vay là 26 ngày, ngày đến hạn trả nợ: 29/02/2024, lãi chậm trả tính từ ngày 01/03/2024 đến 25/9/2025 là 01 năm 06 tháng 24 ngày: 1.201.560.000*{18+(24:30)}*0.83% = 187.491.422 (đồng) (8).

Tổng số tiền gốc, lãi của khoản vay II là: (1) + (2) + (3) + (4) + (5) + (6) + (7) + (8) = 4.959.856.188 (đồng).

Tổng số tiền ông Huy phải trả cho ông Hải tính đến ngày 25/9/2025 là: (I) + (II) = 586.950.000 + 4.959.856.188 = 5.546.806.488 (đồng).

Nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi tới ngày xét xử, sau ngày xét xử phần lãi đề nghị tính kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án.

Nguyên đơn cho cá nhân ông Trần H H vay tiền nên nay chỉ yêu cầu ông Huy trả tiền, không yêu cầu vợ ông Huy (nếu có) phải liên đới nghĩa vụ trả nợ.

- Bị đơn là ông Trần H H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa; cũng không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu của nguyên đơn.

- Bà Nguyễn Thị K T là vợ ông Trần T H xác nhận số tiền ông Hải cho ông Huy vay là tài sản riêng của ông Hải, bà Thu không có yêu cầu gì đối với số tài sản này và đề nghị được vắng mặt trong quá trình tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và kết luận:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48, khoản 2 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

- Tòa án có tiến hành xác minh thu thập chứng cứ do đó vụ án thuộc trường hợp phải gửi hồ sơ để Viện kiểm sát nhân dân nghiên cứu và tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã tiến hành gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát để kịp thời nghiên cứu tham gia phiên tòa là tuân thủ đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn có địa chỉ thường trú và cư trú thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

- Trong giai đoạn thụ lý và chuẩn bị xét xử, tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định tại các Điều 196, 204, 205, 208, 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các văn bản tố tụng của Tòa án được tống đạt/niêm yết cho đương sự đúng theo quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về trình tự xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với đương sự:

- Nguyên đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 73, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn chưa thực hiện nghiêm túc các quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy ông Trần H H đã vay tiền của ông Trần T H nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ.

Mặc dù Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông Trần H H vẫn vắng mặt không lý do là đã từ chối quyền, nghĩa vụ chứng minh, phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp được xem như tình tiết không phải chứng minh.

Do đó, có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần T H, buộc ông Trần H H trả cho ông Trần T H toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi theo quy định.

Đối với phần hai bên thỏa thuận vay bằng đôla Mỹ là vi phạm Pháp lệnh về quản lý ngoại hối, vì vậy giao dịch vay tài sản bằng đô la Mỹ giữa ông Hải và ông Huy bị vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật, các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, ông Trần H H phải

hoàn trả cho ông Trần T H số tiền 23.300 USD được quy đổi thành tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa ông Trần T H và ông Trần H H là tranh chấp dân sự phát sinh từ hợp đồng vay tài sản. Ông Trần H H có nơi thường trú, cư trú thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2. 1] Do cá nhân ông Trần H H vay tiền của ông Trần T H, ông Trần T H chỉ yêu cầu ông Trần H H trả nợ. Ông Trần H H vắng mặt và không có yêu cầu gì trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đưa vợ ông Trần H H (nếu có) vào tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; cũng như không xem xét trách nhiệm liên đới giữa ông Trần H H và vợ ông Trần H H (nếu có) trong việc trả nợ cho ông Trần T H do không có đương sự nào yêu cầu.

[2. 2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bị đơn (ông Trần H H) vắng mặt không có lý do; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Nguyễn Thị K T) có đơn xin vắng mặt; Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3. 1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của phía nguyên đơn; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định ông Trần H H đã vay tài sản của ông Trần T H.

[3. 2] Xét yêu cầu đòi số tiền 23.300 USD tính theo tỷ giá quy đổi tại thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 25/9/2025), không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận cho vay bằng đôla Mỹ là vi phạm Pháp lệnh về quản lý ngoại hối: "Trên lãnh thổ Việt Nam, mọi giao dịch, thanh toán.... không được thực hiện bằng ngoại hối, trừ các trường hợp được phép theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam". Nguyên đơn và bị đơn không đảm bảo điều kiện được giao dịch ngoại hối theo quy định của pháp luật, vì vậy giao dịch vay tài sản bằng đô la Mỹ giữa ông Hải và ông Huy bị vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật, được quy định tại các điều 117, 122 và Điều 123 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3. 3] Căn cứ nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, mọi cá nhân, pháp nhân đều bình đẳng; nghĩa là khi thực hiện giao dịch, hợp đồng các bên có

quyền, nghĩa vụ ngang nhau; khi thực hiện giao dịch vay tài sản bằng ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam các bên các bên có quyền, nghĩa vụ thực hiện theo quy định của Pháp lệnh về quản lý ngoại hối nhưng các bên đã không thực hiện. Vì vậy, lỗi làm cho giao dịch dân sự vô hiệu thuộc về cả hai bên.

[3. 4] Hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu, căn cứ Điều 131 của Bộ luật dân sự năm 2015, các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, ông Trần H H phải hoàn trả cho ông Trần T H số tiền 23.300 USD được quy đổi thành tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Tham khảo giá đôla Mỹ ngày 25/9/2025 trên Thời báo Tài chính Việt Nam, tỷ giá trung tâm VND với USD tại Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 25.191 VND/USD: 23.300 x 25.191 = 586.950.000 (đồng).

[3. 3] Xét yêu cầu đòi tiền gốc 3.021.560.000 đồng, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của nguyên đơn; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: ông Trần H H đã vay ông Trần T H 3.021.560.000 đồng nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn, do đó yêu cầu đòi lại tài sản cho vay của ông Trần T H là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3. 4] Đối với yêu cầu đòi tiền lãi của khoản nợ gốc 3.021.560.000 đồng với lãi suất 0,83% tháng từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày xét xử sơ thẩm (25/9/2025). Xét thấy, tại 08 (tám) giấy mượn tiền mà ông Huy đã xác nhận với ông Hải có ghi về số tiền vay, thời hạn vay, không ghi về lãi. Như vậy, hợp đồng vay tiền giữa ông Hải và ông Huy là có thời hạn, không có lãi. Hiện nay tất cả 08 (tám) giấy mượn tiền đều đã quá hạn trả nợ, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi từ sau ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83%/tháng (tương đương 10%/năm) là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự: "Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả...".

[4] Bị đơn ông Trần H H đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không gửi ý kiến trình bày của mình đối với vụ kiện, cũng như không gửi tài liệu, chứng cứ phản đối yêu cầu khởi kiện của ông Trần T H, có nghĩa là bị đơn đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[5] Vợ ông Trần T H là bà Nguyễn Thị K T không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của

đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[7. 1] Ông Trần T H thuộc trường hợp được miễn nộp án phí/tạm ứng án phí.

[7. 2] Ông Trần H H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Căn cứ các điều 117, 122, 123, 131, 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần T H đối với ông Trần H H về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

- Ông Trần H H phải trả cho ông Trần T H tổng cộng số tiền là 5.546.806.488 (năm tỷ năm trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm lẻ sáu nghìn bốn trăm tám mươi tám) đồng, gồm các khoản sau đây:

+ 586.950.000 (năm trăm tám mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi nghìn) đồng – số tiền quy đổi từ 23.300 USD theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước công bố ngày 25/9/2025.

+ Nợ gốc: 3.021.560.000 (ba tỷ, không trăm hai mươi mốt triệu, năm trăm sáu mươi nghìn) đồng;

+ Tiền lãi tính đến ngày 25/9/2025: 1.938.296.188 (một tỷ, chín trăm ba mươi tám triệu, hai trăm chín mươi sáu nghìn, một trăm tám mươi tám) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2. 1. Ông Trần T H thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí/tạm ứng án phí.

2. 2. Ông Trần H H phải nộp 113.546.806 (một trăm mười ba triệu, năm trăm bốn mươi sáu nghìn, tám trăm lẻ sáu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 9;
- THADS TP,HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Liên